

Đọc kỹ bài khoá và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho các câu từ 1 đến 10:

La Tour Eiffel

Tout étranger qui arrive en France pour la première fois va voir la Tour Eiffel. En effet, elle est connue dans le monde entier. Pour chaque pays, elle symbolise la France, et Paris plus particulièrement. Mais qui est donc cette "grande dame"?

Née en 1889 à l'occasion de l'exposition universelle, son père Gustave Eiffel, un architecte français n'a pas eu peur d'utiliser des structures métalliques pour oser la modernité. Les Parisiens ont été très choqués quand ils ont vu les premiers travaux. Ils ne comprenaient pas l'utilité de cette tour. Beaucoup d'artistes, d'écrivains et de personnalités protestent contre la réalisation de ce projet. Gustave Eiffel a continué avec du courage la construction de la Tour avec l'aide de trois cent techniciens- acrobates. Il a écrit avec certitude: " Je crois, pour ma part, que la Tour aura sa beauté propre." Petit à petit la Tour s'est élevée à trois cent mètres de hauteur. Elle a fait la gloire de l'Exposition en 1889. Elle a reçu cinquante millions de visiteurs cette année-là. En 1916, la radio s'y installe, en 1957 on y pose la première antenne de TV.

- Câu 1:** La Tour Eiffel est.....
A. une fille B. un musée C. un monument D. une fusée
- Câu 2:** Elle se trouve à.....
A. Tokyo B. New York C. Paris D. Pékin
- Câu 3:** Elle a été construite en.....
A. 1989 B. 1899 C. 1889 D. 1988
- Câu 4:** Gustave Eiffel était.....
A. écrivain B. professeur C. architecte D. artiste
- Câu 5:** La construction de La Tour a reçu l'aide de
A. 500 techniciens- acrobates B. 300 techniciens- acrobates
C. 600 techniciens- acrobates D. 400 techniciens- acrobates
- Câu 6:** La hauteur de la Tour Eiffel est de.....
A. 30 m B. 300 m C. 303 m D. 330 m
- Câu 7:** En 1889 le nombre de visiteurs a été de
A. 5 millions B. 55 millions C. 50 millions D. 50 milles
- Câu 8:** Paris est.....
A. un pays B. une ville C. un fleuve D. un parc
- Câu 9:** Quelles sont les réactions des Parisiens?
A. Ils ont tout de suite aimé la Tour.
B. Ils ont été choqués et plusieurs ont protesté contre ce projet.
C. Ils n'ont pas de réaction.
D. Ils voudraient une statue.
- Câu 10:** Cette "grande dame" dans le texte, c'est.....
A. Gustave Eiffel B. la Tour Eiffel C. l'Exposition D. la fête
- Câu 11:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Tous les dimanches, il joue football avec ses amis.
A. le B. au C. du D. un.
- Câu 12:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Le livre est à moi.
- C'est livre.
A. ma B. mon C. mes D. ton
- Câu 13:** Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Nathalie va.....piscine tous les jours.
A. à l' B. à la C. au D. en

- Câu 31:** Chọn từ (ứng với A hoặc B, C, D) khác nhóm với các tính từ còn lại chỉ tính chất :
sympathique / Française/ heureuse/ gentille.
A. sympathique B. Française C. heureuse D. gentille
- Câu 32:** Chọn từ trái nghĩa (ứng với A hoặc B, C, D) với từ " monter " :
A. sortir B. descendre C. trouver D. entrer
- Câu 33:** Chọn từ (ứng với A hoặc B, C, D) trái nghĩa với từ “agréable”:
A. inagréable B. iragréable C. déagréable D. désagréable
- Câu 34:** Chọn từ trái nghĩa (ứng với A hoặc B, C, D) với từ "heureusement":
A. heureux B. malheureux C. bonheur D. malheureusement
- Câu 35:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
J'ai beaucoup d' à faire.
A. amis B. ouvriers C. exercices D. aide
- Câu 36:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Le Vietnam est un qui se développe rapidement.
A. rue B. ville C. pays D. classe
- Câu 37:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Je voudrais téléphoner à mes copains pour les à ma fête.
A. éviter B. inviter C. inventer D. bavarder
- Câu 38:** Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Quand je suis sorti du cinéma,.....
A. il pleuvait B. car il n'est pas venu
C. parce qu'il y a du bruit D. car j'ai trop de travail
- Câu 39:** Chọn câu có trật tự từ đúng (ứng với A hoặc B, C, D):
est / parti / le / train.
A. Est parti le train. B. Parti le train est. C. Le train est parti. D. Est le parti train.
- Câu 40:** Chọn câu có trật tự từ đúng (ứng với A hoặc B, C, D):
il est / tard / maintenant / très.
A. Il est tard maintenant très. B. Tard maintenant il est très.
C. Il est très tard maintenant. D. Très il est tard maintenant.
- Câu 41:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Hélène a une coiffure lui va bien.
A. que B. qui C. dont D. où
- Câu 42:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Ils veulent que vous.....moins.
A. mangerez B. mangez C. mangiez D. manger
- Câu 43:** Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Elle ne sait pas faire cet exercice elle n'a pas appris sa leçon.
A. pourquoi B. parce qu' C. parce que D. grâce à
- Câu 44:** Chọn câu trả lời đúng (ứng với A hoặc B, C, D):
Vous buvez de la bière?
A. Oui, je la bois. B. Oui, j'en bois souvent.
C. Non, je bois seul. D. Non, je bois avec mes amis.
- Câu 45:** Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Non, je ne mange pas poisson.
A. de B. de la C. le D. du
- Câu 46:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
Nous allons à l'école très tôt, les matins.
A. tous B. tout C. toute D. toutes
- Câu 47:** Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:
L'école..... j'ai fait mes études en 2001 s'appelle Louise Michel.
A. dont B. où C. qui D. que

Câu 48: Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

Si tu travailles bien, tu

A. réussiras B. réussie C. réussirais D. réussit

Câu 49: Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

La Chine est à côté Vietnam.

A. de B. du C. de l' D. de la

Câu 50: Chọn câu trả lời đúng (ứng với A hoặc B, C, D):

Avez - vous vu mes amis, ce matin ?

A. Oui, je les vu. B. Oui, je leur ai vu. C. Oui, je les ai vus. D. Oui, je l'ai vue.

----- HẾT -----